

**TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO  
TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 319/2021/HS-PT

Ngày 25 tháng 5 năm 2021

“Phạm Văn T và đồng phạm  
Trộm cắp tài sản, tiêu thụ tài sản  
do người khác phạm tội mà có”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Ông Phạm Văn Công

*Các thẩm phán:* Ông Đỗ Đình Thanh

Bà Đinh Ngọc Thu Hương

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Hồng Nhung - Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

**- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa:** Ông Nguyễn Khánh Toàn - Kiểm sát viên cao cấp.

Ngày 25 tháng 5 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm vụ án hình sự thụ lý số 154/2021/TLPT-HS ngày 03 tháng 3 năm 2021 đối với bị cáo Nguyễn Văn H do bị cáo kháng cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 03/2021/HS-ST ngày 20/01/2021 của Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre.

*Bị cáo có kháng cáo:* Nguyễn Văn H (Tên gọi khác: T<sup>1</sup>), sinh năm 1977 tại tỉnh Bến Tre; Nơi cư trú: ấp Quới Hòa Tây, xã Quới Sơn, huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre; Nghề nghiệp: Làm vườn; Trình độ văn hóa (học vấn): Lớp 9/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Nguyễn Văn Tại (chết) và bà Nguyễn Thị Hồng; Có vợ (Tạ Thị Trúc Phương – đã ly hôn và 01 con sinh năm 2000), sống chung như vợ chồng với chị Mone (Tên gọi khác: Nàng Mon – quốc tịch Lào) có 03 con, sinh năm 2012, 2018 và 2021; Tiền án, tiền sự: Không; Nhân thân: Bản án số 34/2010/HSST ngày 18/5/2010 của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre phạt 03 năm 06 tháng tù về tội “Mua bán trái phép chất ma túy”, chấp hành xong ngày 31/8/2012; Quyết định số 02/QĐ-XPHC ngày 12/8/2020 của Phòng cảnh sát hình sự Công an tỉnh Bến Tre phạt 750.000 đồng về hành vi sử dụng trái phép chất ma túy, đã nộp xong tiền phạt vào ngày 17/8/2020; Quyết định số 4358/QĐ-XPHC ngày 27/9/2020 của Công an xã Quới Sơn, huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre phạt 750.000 đồng về hành vi sử dụng trái

phép chất ma túy, chưa nộp phạt; Ngày 14/10/2010 bị Công an xã Tân Thạch, huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre lập biên bản vi phạm hành chính về hành vi sử dụng trái phép chất ma túy, chưa ra quyết định xử phạt; Bị cáo tại ngoại, có mặt tại phiên tòa.

*Ngoài ra còn có 03 bị cáo khác và 04 người bị hại không kháng cáo, không bị kháng nghị và không liên quan đến kháng cáo.*

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:*

Từ ngày 10/12/2019 đến ngày 12/6/2020, Phạm Văn T thực hiện 03 vụ trộm cắp tài sản trên địa bàn huyện Bình Đại, tỉnh Bến Tre như sau:

*Vụ thứ nhất* vào khoảng 23 giờ 30 phút ngày 10/12/2019, T cạy cửa đột nhập vào nhà vợ chồng chị Trần Thị Phương H, anh Đặng Hoàng T<sup>2</sup> ở ấp Tân Định, xã Định Trung, huyện Bình Đại lấy một tivi Samsung 32 inch đem ra ngoài, tiếp đó đột nhập vào nhà kế bên là nhà của vợ chồng ông Đặng Trí D, bà Võ Thị H<sup>1</sup> lấy 12 chiếc nhẫn, 02 chiếc lắc, mỗi chiếc 02 chỉ loại vàng 24K tẩu thoát.

*Vụ thứ hai* khoảng 23 giờ ngày 03/6/2020, T điều khiển xe mô tô 51U6-1959 đi trên đường rồi đến đập bể kính cửa sổ Đại lý bia Hồ Điệp của ông Nguyễn Hoàng Đ ở ấp Tân Định, xã Định Trung, huyện Bình Đại lấy 06 thùng bia, 01 đầu thu camera hiệu Yoosee có gắn cục sạc, 01 Ipad hiệu Samsung, các thẻ cào điện thoại (tổng trị giá 270.000 đồng), 02 Đô la Mỹ và 70.000 đồng. T dùng xe mô tô chở các tài sản trộm được đến gửi nhà của Đặng Hữu P nhưng P không cho gửi nên T mang đến nhà ông Nguyễn Minh C (không có người ở) cất giấu 06 thùng bia. Sau đó T quay lại ngủ ở nhà P và cho P thẻ cào điện thoại nhưng P không biết thẻ cào do T trộm mà có. Sáng ngày 05/6/2020, T kêu Nguyễn Thanh Đ<sup>1</sup> chở T đến lấy 02 thùng bia Sài Gòn xanh đem đến chòi của ông Đỗ Xuân D nhậu chung với Huỳnh Thanh H<sup>2</sup> và nói cho Đ, H<sup>2</sup> biết T trộm 06 thùng bia, còn giấu 04 thùng. T kêu Đ điện thoại cho Trần Tuấn V để cầm chiếc Ipad giá 500.000 đồng (V không biết tài sản trộm mà có) đến ngày 06/6/2020 thì P đến chuộc Ipad lại để sử dụng. T đem đầu camera có gắn cục sạc đến nhờ Nguyễn Văn H bán giúp và có nói là tài sản do trộm mà có, nhưng sau đó không bán mà T tặng cho H. Ngày 08/6/2020, Đ kêu Trần Văn T<sup>3</sup> và Đặng Lâm Hoài B lấy 04 thùng bia đem bán nên B kêu Nguyễn Trọng H<sup>3</sup> đem bán 03 thùng bia được 400.000 đồng chia nhau sử dụng, còn lại 01 thùng bia cùng uống chung.

*Vụ thứ ba* vào đêm 11 rạng sáng ngày 12/6/2020, T điều khiển xe mô tô biển số 51U-1959 đến đột nhập vào nhà của vợ chồng ông Nguyễn Văn H<sup>4</sup> và Phan C<sup>1</sup> ở ấp 4 Cây Trôm, xã Bình Thới, huyện Bình Đại lấy trộm 01 dây chuyền, 01 mặt dây, 01 chiếc lắc, 01 cà rá, 01 đôi bông tai, 01 nhẫn kiểu 2 châu lưới, 01 đồng hồ màu trắng, 02 ống nhòm, 08 chai nước hoa, 05 con dao, 01 cây kéo, 01 chùm chìa khóa. Tất cả bỏ vào ba lô tẩu thoát. T kể cho P biết việc trộm và cho P 06 chai

nước hoa, 01 đồng hồ, 05 con dao và 01 cây kéo; Cho ông Đặng Thành L 01 đồng hồ. Sau đó T nhờ P chở T quay lại nhà bà H<sup>4</sup> rồi Thành lấy trộm xe mô tô biển số 71C1-310.43. T điện thoại nói với H là sẽ nhờ H kiểm tra số vàng lấy trộm được là thật hay giả, giúp T bán số vàng và xe trộm được. Sáng ngày 12/6/2020, T mang dây chuyền, mặt dây, nhẫn, cà rá, lắc, bông tai và 02 ống nhòm đến nhà H nhờ H kiểm tra. H nói số vàng trên là inox hoặc bạc xi có giá trị thấp nên xin T cho H để cho vợ H sử dụng. T nhờ H bán xe mô tô biển số 71C1-310.43 thì H đồng ý nên H điện thoại cho Phạm Hoàng K để bán xe thì K đồng ý. Khoảng 10 giờ 30 phút cùng ngày 12/6/2020, K đến nhà gặp H nói rõ xe do trộm ở Huyện Bình Đại mà có, K thấy biển số xe 71B (không nhớ các số còn lại) thì K biết đã bị đổi biển số vì huyện Bình Đại có đầu số là 71C... Sau khi kiểm tra và thỏa thuận giá cả, K điện thoại cho bạn tên H<sup>5</sup> (chưa rõ tung tích) thì H<sup>5</sup> đồng ý mua giá 10.000.000 đồng. K trả trước cho H 3.000.000 đồng rồi đem xe giao cho H<sup>5</sup> ở khu vực cầu Rạch Miễu. Khoảng 17 giờ cùng ngày, K đến nhà H trả đủ số tiền còn lại. H cho K 1.000.000 đồng do đã bán xe. Do có hứa hẹn trước nên T cho P 1.000.000 đồng. Đến ngày 18/6/2020, T cho Trần Tuấn V 01 chai nước hoa để xài.

Cơ quan điều tra đã thu giữ của Nguyễn Văn H: 02 ống nhòm, 01 chiếc lắc bằng kim loại màu trắng, 01 đôi bông tai, 01 điện thoại di động hiệu HUAWEL cùng 01 sim Viettel, 01 điện thoại di động hiệu FORME có gắn sim và còn thu giữ các vật do các bị cáo khác quản lý.

Theo các Kết luận định giá số 02/KL-HĐĐG ngày 07/01/2020, số 15/KL-HĐĐG ngày 21/7/2020, số 15/KL-HĐĐG ngày 24/6/2020 và số 51/KL-HĐĐG ngày 08/9/2020 của Hội đồng định giá tài sản tỉnh Bến Tre thì tổng số tài sản do Phạm Văn T trộm có giá trị 195.999.980 đồng; Riêng 01 xe mô tô biển số 71C1-310.43 có giá 30.276.750 đồng.

Tại Bản cáo trạng số 32/CTr-VKSBT-P1 ngày 02/12/2020 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bến Tre đã truy tố bị cáo Nguyễn Văn H về tội “*Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có*” theo khoản 1 Điều 323 Bộ luật hình sự và còn truy tố 03 bị cáo khác (Phạm Văn T, Đặng Hữu P và Phạm Hoàng K).

*Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 03/2021/HS-ST ngày 20/01/2021 của Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre đã quyết định:*

Tuyên bố bị cáo Nguyễn Văn H phạm tội “*Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có*”.

Áp dụng khoản 1 Điều 323; khoản 2 Điều 51, Điều 38; Điều 58 Bộ luật hình sự;

Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn H 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo chấp hành hình phạt tù.

Ngoài ra, Bản án sơ thẩm còn xử phạt 03 bị cáo khác; xử lý vật chứng; quyết định về trách nhiệm dân sự; nghĩa vụ thi hành án; án phí hình sự sơ thẩm và tuyên về quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 01/02/2021, bị cáo Nguyễn Văn H kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và xin hưởng án treo. Đề nghị xem xét bị cáo chỉ điện thoại nhờ Kiểm bán xe dùm cho Thành, còn lại bị cáo không biết gì hết.

*Tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay:*

Bị cáo Nguyễn Văn H khai bị cáo chỉ nhận lời bán xe giúp cho bị cáo T, bị cáo không biết xe đó là do T trộm được mà có nên bị cáo không có tội. Bị cáo T lừa gạt bị cáo, nói giấy tờ xe bị công an giữ và không có nói là xe do trộm mà có. Lời khai của bị cáo T, bị cáo K là không đúng. Bị cáo T trộm đồ nhà của bị cáo nên mẹ của bị cáo T đem bọc đồ lại trả cho bị cáo thì trong bọc đồ có tài sản do T trộm được nên Công an mới thu giữ các vật này tại nhà bị cáo. Đề nghị xem xét cho bị cáo bị oan.

Đại diện Viện Kiểm sát đề nghị xem xét đơn kháng cáo của bị cáo hợp lệ. Về nội dung Bản án sơ thẩm đã tuyên bố bị cáo phạm tội “*Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có*” theo khoản 1 Điều 323 Bộ luật hình sự là đúng người, đúng tội và đã xử phạt mức hình phạt là tương xứng. Tại phiên tòa phúc thẩm không có tình tiết giảm nhẹ gì mới nên đề nghị bác kháng cáo của bị cáo, giữ nguyên Bản án sơ thẩm.

### **HỘI ĐỒNG XÉT XỬ NHẬN ĐỊNH:**

*Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:*

[1] Việc kháng cáo của bị cáo đảm bảo hình thức và thời hạn, đủ điều kiện để giải quyết theo thủ tục phúc thẩm.

[2] Tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay, bị cáo cho rằng bị cáo không biết xe mô tô 71C1-310.43 là do bị cáo Phạm Văn T trộm được mà có. Tuy nhiên, trong quá trình điều tra và tại phiên tòa sơ thẩm bị cáo Phạm Văn T, bị cáo Phạm Hoàng K đều khẳng định có nói cho bị cáo biết xe do T trộm được trước khi K kêu bạn của K mua xe. Khi giao dịch mua bán thì xe không có giấy tờ, giá trị xe 30.276.750 đồng nhưng bị cáo bán chỉ có 10.000.000 đồng và chính bị cáo là người nhận tiền bán xe. Cơ quan điều tra cũng thu giữ vật chứng trong nhà của bị cáo H là các tài sản do bị cáo T trộm mà có. Do đó, có đủ cơ sở xác định bị cáo biết rõ xe mô tô biển số 71C1-310.43 là do bị cáo T trộm được mà có nhưng bị cáo vẫn giúp T tiêu thụ xe. Do đó, có đủ căn cứ để khẳng định bị cáo Nguyễn Văn H phạm tội “*Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có*” theo khoản 1 Điều 323 Bộ luật hình sự như quyết định của Tòa án cấp sơ thẩm và đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh là hoàn toàn có căn cứ pháp luật nên không chấp nhận kháng cáo của bị cáo kêu oan.

[3] Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến trật tự quản lý nhà nước đối với tài sản do phạm tội mà có, đồng thời còn tạo điều kiện cho tội phạm tiêu thụ tài sản do phạm tội mà có, gây tác động xấu đến trật tự, an toàn xã hội nên cần phải xử phạt nghiêm. Bị cáo biết rõ chiếc xe mô tô do bị cáo

Phạm Văn T phạm tội mà có nhưng bị cáo vẫn giúp T tiêu thụ, quá trình điều tra, xét xử bị cáo không thành khẩn khai báo, chứng tỏ không ăn năn hối cải. Bị cáo có quá trình nhân thân xấu, đã từng bị phạt tù và nhiều lần bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi sử dụng trái phép chất ma túy. Do đó, Bản án sơ thẩm đã cân nhắc và xử phạt 01 năm 06 tháng tù là tương xứng. Tại phiên tòa phúc thẩm không có tình tiết giảm nhẹ mới, nên không có căn cứ để chấp nhận kháng cáo của bị cáo, giữ nguyên Bản án sơ thẩm về hình phạt đối với bị cáo theo đề nghị của đại viện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh là phù hợp.

[4] Bị cáo phải chịu án phí hình sự phúc thẩm;

[5] Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm đối với các bị cáo khác; về xử lý vật chứng; về trách nhiệm dân sự; nghĩa vụ thi hành án; về án phí hình sự sơ thẩm, án phí dân sự sơ thẩm không có kháng cáo kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

*Vì các lẽ trên;*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

1. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355 Bộ luật tố tụng hình sự;

Không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Nguyễn Văn H; Giữ nguyên Bản án hình sự sơ thẩm 03/2021/HS-ST ngày 20/01/2021 của Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre về hình phạt đối với bị cáo.

2. Áp dụng khoản 1 Điều 323; khoản 2 Điều 51, Điều 38; Điều 58 Bộ luật hình sự;

Tuyên bố bị cáo Nguyễn Văn H phạm tội “*Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có*”.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn H 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo thi hành hình phạt tù.

3. Bị cáo Nguyễn Văn H phải nộp án phí hình sự phúc thẩm 200.000 đồng (Hai trăm ngàn đồng).

4. Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm đối với các bị cáo khác; về xử lý vật chứng; về trách nhiệm dân sự; nghĩa vụ thi hành án; về án phí hình sự sơ thẩm, án phí dân sự sơ thẩm không có kháng cáo kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

5. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

#### **Nơi nhận:**

- Chánh án TANDTC
- Viện Trưởng VKSNDTC
- VKSND cấp cao tại TP.HCM;
- Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre;
- VKSND tỉnh Bến Tre;
- Công an tỉnh Bến Tre;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

- Sở Tư pháp tỉnh Bến Tre;
- Cục THADS tỉnh Bến Tre;
- Trại tạm giam Công an tỉnh Bến Tre  
(Trại tạm giam Công an tỉnh Bến Tre  
tổng đạt cho bị cáo;
- Lưu.

**Phạm Văn Công**